

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P1c**

Bản án số: 35/2022/DS-PT

Ngày: 23/02/2022

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất, chia
thừa kế và vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình;
Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất, chia thừa kế và vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2021/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 305/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 N 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số 191, đường X, phường Z, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Diệp Thành T1, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1933;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Diệp Thành T1, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Diệp Vũ T2, sinh năm 1985 (vắng mặt);

3.2. Chị Diệp Tiểu M, sinh năm 1986 (vắng mặt);

3.3. Chị Diệp Ngân G, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;

Địa chỉ: Số 02 F, phường S, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T3, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim L1, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh huyện G;

Theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo/PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Bùi T4, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh huyện G; (có mặt)

Theo Giấy ủy quyền ngày 12/11/2020 của Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;

3.5. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn U, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh B - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G (xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Diệp Tùng P và bà Trương Thị Mỹ L chung sống từ N 1983, có 03 con chung là Diệp Vũ T2, Diệp Tiểu M và Diệp Ngân G.

N 1983, ông P và bà L được bà Nguyễn Thị N (là mẹ ruột ông P) tặng cho phần đất là một vũng lạng để ra ở riêng. Vợ chồng ông P, bà L đã san lấp và cất nhà ở trên đất liên tục từ khi được tặng cho đến N 2003 thì ông P chết, không để lại di chúc; bà L và các con tiếp tục ở trên đất cho đến nay. Do là mẹ con nên việc tặng cho đất của bà N chỉ nói miệng chứ không làm giấy tờ nhưng có nhiều người biết.

Thời gian sau vợ chồng ông P, bà L có xin đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được do bà N đã đăng ký kê khai và được đứng tên quyền sử dụng đất. Khi chính quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N thì nhà ở của ông P, bà L đã có trên đất nhưng không có ý kiến của ông P, bà L trong hồ sơ cấp đất. Vợ chồng ông P, bà L đã nhiều lần đề nghị bà N làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nhưng bà N không đồng ý.

Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà N đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh huyện G để vay tiền. Khi bà N làm thủ tục vay thì bà L có đến áp, xã và Ngân hàng để ngăn chặn nhưng không được. Do vậy, bà L không liên quan đến khoản nợ của bà N tại Ngân hàng.

Bà L yêu cầu:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 cấp ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N. Công nhận phần đất thửa 442, diện tích 136,6m² (đo đạc thực tế 135,1m²) là thuộc quyền sử dụng của ông P, bà L.

- Công nhận phần đất diện tích khoảng 98m², thuộc thửa 691, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 cấp ngày 18/01/2012 cho ông Diệp Thành T1 là thuộc quyền sử dụng của ông P, bà L.

- Chia di sản thừa kế của ông Diệp Tùng P là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa 442, ngôi nhà và công trình phụ trên đất thành 5 kỷ phần. Bà L được quản lý toàn bộ đất; đối với kỷ phần của bà N thì bà L đồng ý trả lại bằng giá trị.

Ngày 19/5/2021, bà L có đơn rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 cấp ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N và rút yêu cầu công nhận phần đất diện tích khoảng 98m², thửa 691, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Diệp Thành T1 là thuộc quyền sử dụng của ông P, bà L.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất bà L tự nguyện hỗ trợ số tiền 25.000.000 đồng để bà N trả nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Diệp Thành T1 trình bày:

Việc bà L rút yêu cầu công nhận phần đất diện tích khoảng 98m², thửa 691, do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc quyền sử dụng của ông P, bà L thì ông T1 không có ý kiến gì.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N và đại diện theo ủy quyền của bà N là ông Diệp Thành T1 trình bày:

Bà L và ông P chung sống từ năm 1985, có 03 con chung là Diệp Vũ T2, Diệp Tiểu M, Diệp Ngân G. Đến năm 2003 ông P chết không để lại di chúc.

Năm 1988, bà N cho vợ chồng ông P, bà L cất nhà ở tạm trên phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 442 do bà N đứng tên quyền sử dụng. Thửa đất này hiện bà N đang thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh huyện G.

Với yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà N có ý kiến:

- Không đồng ý với yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông P, bà L vì bà N chỉ cho cất nhà ở tạm chứ không tặng cho luôn.

- Do phần đất đang tranh chấp không phải thuộc quyền sử dụng của ông P, bà L nên bà N không đồng ý việc chia di sản thừa kế của ông P như bà L yêu cầu.

Với yêu cầu của Ngân hàng thì bà N không đồng ý chấm dứt hợp đồng tín dụng và trả nợ vì bà không vi phạm nghĩa vụ trong việc thực hiện hợp đồng với Ngân hàng.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ *Anh Diệp Vũ T2, chị Diệp Tiểu M và chị Diệp Ngân G xin vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại tờ tự khai anh T2, chị M và chị G cùng trình bày:*

Các anh chị là con của ông Diệp Tùng P, bà Nguyễn Thị L và là cháu nội của bà Nguyễn Thị N. Phần đất đang tranh chấp là bà nội đã tặng cho và cha mẹ các anh chị đã xây dựng nhà ở từ năm 1983. Khi các anh chị sinh ra đã ở trong ngôi nhà của cha mẹ liên tục đến nay.

Anh T2, chị M và chị G thống nhất với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là của ông P, bà L.

Đối với di sản của ông P thì các anh chị chưa yêu cầu được chia thừa kế. Các anh chị đồng ý để bà L được kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng toàn bộ phần đất tranh chấp có luôn cả kỹ phần thừa kế mà các anh chị được hưởng.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

+ *Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đại diện ủy quyền lại là ông Bùi Trung T trình bày:*

Ngân hàng cho bà N vay 80.000.000 đồng; lãi suất vay 11,5%/N, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; thời hạn cho vay 60 tháng. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 cấp ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N. Hiện bà N còn nợ gốc là 48.000.000 đồng và lãi 2.463.124 đồng.

Do tài sản thế chấp của bà N đang có tranh chấp nên Ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng; buộc bà N trả tiền gốc và lãi còn nợ. Nếu bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để cân trừ nợ.

Việc bà L yêu cầu công nhận phần đất đang tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của ông P, bà L thì Ngân hàng không đồng ý.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

+ *Ủy ban nhân dân huyện G đại diện là ông Huỳnh Thanh B trình bày:*

Ủy ban nhân dân huyện G không có ý kiến đối với yêu cầu của bà L về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 cấp cho bà Nguyễn Thị N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2021/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ các khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 649, 650, 651, 463, 466 Bộ luật dân sự; các Điều 20, 21 Luật đất đai N 1993; Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ L.

- Công nhận phần đất diện tích 136,6m² (đo đạc thực tế 135,1m²), thửa 442, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N, đất tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng của ông Diệp Tùng P và bà Trương Thị Mỹ L (có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Mỹ L là bà L có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 25.000.000 đồng.

- Chia di sản thừa kế của ông Diệp Tùng P.

Bà Trương Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N kỹ phần thừa kế mà bà N được hưởng số tiền là 37.229.430 đồng.

Bà Trương Thị Mỹ L, anh Diệp Vũ T2, chị Diệp Tiểu M và chị Diệp Ngân G được quyền quản lý ngôi nhà và công trình phụ gắn liền với thửa 442, tờ bản đồ số 8, đất tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Diệp Vũ T2, chị Diệp Tiểu M và chị Diệp Ngân G đồng ý để bà Trương Thị Mỹ L được kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 442, tờ bản đồ số 8, đất tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bà Trương Thị Mỹ L được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 1705HMND602 (6905-LAV-201708829) ngày 22/11/2017. Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 50.463.124 đồng (trong đó nợ gốc 48.000.000 đồng; lãi tạm tính đến ngày 09/6/2021 là 2.463.124 đồng).

Kể từ ngày 10/6/2021, bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là thửa 442, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 cấp ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N để cản trừ nợ nếu bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1505THTG602 ngày 19/5/2015 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh huyện G và bà Nguyễn Thị N. Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh huyện G trả lại cho bà Nguyễn Thị N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 cấp ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Trương Thị Mỹ L về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 cấp ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Trương Thị Mỹ L về việc công nhận phần đất diện tích khoảng 98m², thuộc thửa 691, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 cấp ngày 18/01/2012 cho ông Diệp Thành T1 là thuộc quyền sử dụng của bà Trương Thị Mỹ L và ông Diệp Tùng P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 01/6/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ L.

* Ngày 08/7/2021, VKSND tỉnh Tiền Giang có kháng nghị phúc thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm với các lý do:

- Người được phân công giải quyết vụ án là thẩm phán Bùi Thanh Phú, thư ký Trần Thị Ngọc Thúy nhưng người ký thông báo thụ lý vụ án lại là thẩm phán Phan Thị Kiều Oanh. Việc thẩm phán Oanh ký thông báo thụ lý khi chưa được phân công là vi phạm khoản 1 Điều 48 BLTTDS.

- Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “chia thừa kế” nhưng chưa xác định hàng thừa kế của ông Diệp Tùng P là ai để đưa vào tham gia tố tụng là vi phạm khoản 4 Điều 68 BLTTDS.

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2019 và đơn khởi kiện bổ sung và trong suốt quá trình tố tụng tòa án chỉ thụ lý giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, nhưng khi giải quyết lại xác định tranh chấp chia di sản thừa kế là giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện.

- Nguyên đơn không có khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ, tòa án cũng không có thông báo thụ lý yêu cầu này nhưng lại nhận định bà L rút yêu cầu hủy giấy nên đình chỉ giải quyết và áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 đình chỉ vụ án là không chính xác (phải áp dụng khoản 2 Điều 244 mới đúng).

- Ngân hàng có đơn yêu cầu độc lập có 03 nội dung yêu cầu, nhưng Tòa án chỉ thông báo thụ lý 02 nội dung, còn nội dung yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là chưa thụ lý đủ yêu cầu của người liên quan.

- Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng là chưa có cơ sở vì quá trình thực hiện hợp đồng bà N không hề vi phạm phạm hợp đồng.

- Tòa án bác yêu cầu độc lập của ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nhưng lại không tuyên buộc chịu án phí là vi phạm khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Công nhận phần đất thừa 442, diện tích 136,6m² (đo đạc thực tế 135,1m²) là thuộc quyền sử dụng của ông P, bà L. Chia di sản thừa kế của ông Diệp Tùng P là ½ diện tích thửa 442, ngôi nhà và công trình phụ trên đất T3 05 kỷ phần. Bà L được quản lý toàn bộ di sản; đối với kỷ phần của bà N thì bà L đồng ý trả lại bằng giá trị.

- Người kháng cáo bà Nguyễn Thị N giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ L. Bác yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng giữa bà với Ngân hàng.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau được về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ

tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Tiền Giang phân tích các vấn đề có sai phạm của cấp sơ thẩm đã nêu trong kháng nghị là có căn cứ. Căn cứ bản mục kê trong hồ sơ kiểm sát mà VKSND tỉnh đã nhận, không có các đơn kiện bổ sung, đơn xin miễn tạm ứng án phí, thông báo thụ lý bổ sung. Tuy nhiên theo bản mục kê trong hồ sơ phúc thẩm lại có đơn kiện bổ sung, đơn xin miễn tạm ứng án phí, thông báo thụ lý bổ sung được đánh số tại các bút lục 182a, 182b, 182c qua đó cho rằng cấp sơ thẩm đã có hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án. Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị chấp nhận kháng nghị số 08/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08/7/2021 của VKSND tỉnh Tiền Giang, hủy bản án 126/2021/DS-ST ngày 09 tháng 6 N 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu công nhận phần đất thửa 442, diện tích 136,6m² (đo đạc thực tế 135,1m²) là thuộc quyền sử dụng của ông P, bà L; Chia di sản thừa kế của ông Diệp Tùng P là ½ diện tích thửa 442, ngôi nhà và công trình phụ trên đất T3 05 kỷ phần. Bà L được quản lý toàn bộ di sản; đối với kỷ phần của bà N thì bà L đồng ý trả lại bằng giá trị. Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam có yêu cầu độc lập chấm dứt hợp đồng tín dụng; buộc bà N trả tiền gốc và lãi còn nợ. Nếu bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để cản trừ nợ, nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ***“Tranh chấp quyền sử dụng đất, chia thừa kế và vay tài sản”*** là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3, khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L với bị đơn bà Nguyễn Thị N là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật TTDS.

[4] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Tiền Giang là đúng quy định tại Điều 272, 273, 278, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét kháng nghị số 08/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08/7/2021 của Viện trưởng VKSND tỉnh Tiền Giang, HĐXX nhận thấy:

[5.1] Người được phân công giải quyết vụ án là thẩm phán Bùi Thanh Phú, thư ký Trần Thị Ngọc Thúy nhưng người ký thông báo thụ lý vụ án lại là thẩm phán Phan Thị Kiều Oanh. Việc thẩm phán Oanh ký thông báo thụ lý khi chưa được phân công là vi phạm khoản 1 Điều 48 BLTTDS. Tuy nhiên vi phạm này không hề làm thay đổi nội dung vụ án và hoàn toàn không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp các bên nên không cần thiết phải hủy án.

[5.2] Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “chia thừa kế” nhưng chưa xác định hàng thừa kế của ông Diệp Tùng P là ai để đưa vào tham gia tố tụng là vi phạm khoản 4 Điều 68 BLTTDS. Tuy nhiên hàng thừa kế thứ nhất của ông Diệp Tùng P theo pháp luật gồm: mẹ ông P là bà Nguyễn Thị N; vợ ông P là bà Trương Thị L; các con ông P gồm anh Diệp Vũ T2, chị Diệp Tiểu M và chị Diệp Ngân G đều đã được đưa vào tham gia tố tụng và có trình bày ý kiến của mình đối với phần di sản của ông P để lại. Do đó nội dung này là không vi phạm.

[5.3] Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2019 và đơn khởi kiện bổ sung và trong suốt quá trình tố tụng tòa án chỉ thụ lý giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, nhưng khi giải quyết lại xác định thêm tranh chấp chia di sản thừa kế; Nguyên đơn cũng không có khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ, tòa án cũng không có thông báo thụ lý yêu cầu này nhưng lại nhận định bà L rút yêu cầu hủy giấy nên đình chỉ giải quyết là giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện. Theo bản kê mục lục kèm theo hồ sơ kiểm sát thì không hề có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ của bà N và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P và đơn xin miễn tạm ứng án phí của bà Trương Thị L, tuy nhiên khi nhận hồ sơ phúc thẩm lại có các tài liệu này tại các bút lục (182a, 182b và 182c), cho thấy cấp sơ thẩm đã bổ sung các tài liệu này sau khi có kháng nghị là làm sai Lch hồ sơ vụ án. Về vấn đề này HĐXX nhận thấy: theo báo cáo giải trình kháng nghị của thẩm phán, thư ký thể hiện bà Trương Thị L đã có đơn khởi kiện bổ sung và đơn xin miễn tạm ứng án phí vào ngày 04/11/2020 nhưng sau khi nhận đơn thư ký quên bỏ vào hồ sơ vụ án. Xét tại công văn số 276 ngày 04/11/2020 của TAND huyện G yêu cầu UBND huyện G cho ý kiến đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ của bà L (bl 183); Tại các bản tự khai, đơn không yêu cầu giải quyết của các anh chị Diệp Vũ T2, Diệp Tiểu M và Diệp Ngân G (các bl từ 174 đến 182) đều thể hiện ý kiến của họ đối với phần di sản của ông P (riêng bà N không nêu ý kiến vì bà cho rằng phần đất đang tranh chấp là của bà nên không có việc chia thừa kế); Tại biên bản hòa giải ngày 19/5/2020 (bl 319) thể hiện nội dung hòa giải có đầy đủ yêu cầu của bà L gồm tranh chấp QSDĐ, chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ. Tại bài phát biểu ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm (bl 389) cũng thể hiện có phân tích đầy đủ các yêu cầu của bà L. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định, tất cả các bút lục trên đều có liệt kê trong bản mục kê tài liệu hồ sơ kiểm sát gửi cho VKSND tỉnh Tiền Giang mà không phải là các tài liệu bổ sung sau khi xét xử sơ thẩm. Nếu như bà L không có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ của bà N và chia di sản thừa kế của ông P thì sẽ không bao giờ có các tài liệu trên trong hồ sơ. Do đó báo cáo giải trình của thẩm phán và thư ký tòa cấp sơ thẩm thừa nhận bỏ quên đơn kiện bổ sung của bà L vào hồ sơ vụ án là có căn cứ. Đây chỉ là thiếu sót trong quá trình

thực hiện nhiệm vụ, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Đơn kiện bổ sung này không phải được nộp sau khi có kháng nghị và cũng không hề có hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án.

[5.4] Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của bà L xin rút yêu cầu hủy giấy, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Diệp Thành T1 về việc tranh chấp 98m² nhưng tòa cấp sơ thẩm lại áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 quyết định đình chỉ giải quyết 02 yêu cầu trên là không đúng quy định (lẽ ra tại phiên tòa phải áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS mới chính xác). Đây là sai sót của cấp sơ thẩm nhưng nằm trong phạm vi cấp phúc thẩm khắc phục được chỉ cần điều chỉnh lại căn cứ pháp luật áp dụng cho chính xác mà không cần thiết phải hủy án.

[5.5] Ngân hàng có đơn yêu cầu độc lập có 03 nội dung yêu cầu, nhưng tòa án chỉ thông báo thụ lý 02 nội dung, còn nội dung yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì không thông báo là chưa thụ lý đủ yêu cầu của người liên quan. Tuy nhiên quá trình hòa giải, xét xử các đương sự đều đã có ý kiến về các nội dung này.

Từ các phân tích trên, nhận thấy cấp sơ thẩm đã có những vi phạm về tố tụng như kháng nghị đã nêu, tuy nhiên những vi phạm này không hề làm thay đổi nội dung vụ án và ảnh hưởng đến quyền lợi các bên đương sự hoặc nằm trong phạm vi xem xét lại của cấp phúc thẩm nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng nghị hủy án của Viện trưởng VKSND tỉnh Tiền Giang.

[6] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, HĐXX nhận thấy:

[6.1] Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện nguồn gốc đất là của bà N nhưng bà N không trực tiếp sử dụng mà giao cho ông P, bà L sử dụng. Quá trình sử dụng đất ông P, bà L đã xây dựng nhà ở ổn định, liên tục từ năm 1983, có khuôn viên riêng, hai bên không có tranh chấp gì. Tại phiên tòa phía bà N vẫn thừa nhận chỉ đồng ý để lại phần đất đang tranh chấp cho các cháu (con bà L) đứng tên, không đồng ý cho bà L vì bà quá hỗn hào với bà, do đó bà L cho rằng bà N đã cho đất hai vợ chồng bà L ngay từ lúc ra riêng là có cơ sở. Do vậy ông P, bà L thuộc trường hợp được xem xét cấp quyền sử dụng đất. Mặt khác năm 1997, bà N được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp giấy thì trên đất đã có nhà của vợ chồng bà L, nhưng hồ sơ cấp đất do Ủy ban cung cấp không thể hiện ý kiến của chủ sở hữu nhà là vợ chồng ông P, bà L. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N là không phù hợp với Điều 20, 21 Luật đất đai năm 1993. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là công nhận phần đất diện tích đo đạc thực tế 135,1m², thửa 442 là thuộc quyền sử dụng của ông P, bà L. Yêu cầu kháng cáo của bà N về nội dung này là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[6.2] Xét yêu cầu chia thừa kế của bà Trương Thị Mỹ L: Ông P chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm bà N, bà L, anh T2, chị M và chị G. Trong vụ án này anh T2, chị M và chị G chưa có yêu cầu được chia thừa kế nên không xem xét. Anh T2, chị M và chị G tự nguyện để bà L kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn cả kỹ phần thừa kế mà các anh chị được hưởng nên ghi nhận. Do nhà và công

trình phụ của ông P, bà L được xây dựng trên toàn bộ diện tích đất nên không thể chia bằng hiện vật mà giao cho bà L và các con tiếp tục quản lý; xem xét chia cho bà N bằng giá trị như cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, bà N cũng không có ý kiến phản đối về nội dung này.

[6.3] Bà N và kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng là chưa có cơ sở vì quá trình thực hiện hợp đồng bà N không hề vi phạm hợp đồng. Xét trước khi bà N làm thủ tục thế chấp đất vay tiền thì bà L đã có đơn ngăn chặn gởi khắp nơi có tổ trưởng vay vốn xác nhận, nhưng Ngân hàng vẫn bắt chấp. Đến nay Ngân hàng lấy lý do tài sản thế chấp bị tranh chấp nên yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng, trong khi trong hợp đồng không có thể hiện nội dung này nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chấm dứt hợp đồng của Ngân hàng là chưa có cơ sở. Tuy nhiên đến hiện nay bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn cho Ngân hàng. Khoản nợ vay của bà N nay đã trở thành nợ xấu và thuộc trường hợp Ngân hàng được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, nếu bây giờ xử không chấp nhận yêu cầu chấm dứt hợp đồng của Ngân hàng sẽ làm ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ của Ngân hàng. Nếu có hủy án xử lại thì yêu cầu trên vẫn được chấp nhận vì hiện nay bà N đã vi phạm nghĩa vụ. Do đó cần giữ nguyên nội dung này.

[7] Ngoài ra, kháng nghị còn nêu tòa án bác yêu cầu độc lập của ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nhưng lại không tuyên buộc chịu án phí là vi phạm khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH. Đây là sai sót của cấp sơ thẩm và không thuộc trường hợp sửa chữa bổ sung bản án nên chấp nhận một phần kháng nghị sửa bản án sơ thẩm về mặt án phí.

- Về các vấn đề khác cấp sơ thẩm giải quyết là phù hợp pháp luật nên ghi nhận.
- Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, HĐXX đã có cân nhắc xem xét khi nghị án.
- Do bản án sơ thẩm bị cải sửa nên bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 649, 650, 651, 463, 466 Bộ luật dân sự; các điều 20, 21 Luật đất đai năm 1993; Luật các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Chấp nhận một phần kháng nghị số 08/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08/7/2021 của Viện trưởng VKSND tỉnh Tiền Giang, sửa một phần bản án sơ thẩm.

1.C chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ L.

1.1 Công nhận phần đất diện tích 136,6m² (đo đạc thực tế 135,1m²), thửa 442, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N, đất tại ấp T, xã T,

huyện G, tỉnh Tiền Giang là thuộc quyền sử dụng của ông Diệp Tùng P và bà Trương Thị Mỹ L (có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

1.2 Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Mỹ L là bà L có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

1.3 Chia di sản thừa kế của ông Diệp Tùng P.

- Bà Trương Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N kỷ phần thừa kế mà bà N được hưởng số tiền là 37.229.430 (Ba mươi bảy triệu hai trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm ba mươi) đồng.

- Bà Trương Thị Mỹ L, anh Diệp Vũ T2, chị Diệp Tiểu M và chị Diệp Ngân G được quyền quản lý ngôi nhà và công trình phụ gắn liền với thửa 442, tờ bản đồ số 8, đất tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Diệp Vũ T2, chị Diệp Tiểu M và chị Diệp Ngân G đồng ý để bà Trương Thị Mỹ L được kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 442, tờ bản đồ số 8, đất tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Trương Thị Mỹ L được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 1705HMND602 (6905-LAV-201708829) ngày 22/11/2017. Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 50.463.124 đồng (trong đó nợ gốc 48.000.000 đồng; lãi tạm tính đến ngày 09/6/2021 là 2.463.124 đồng).

Kể từ ngày 10/6/2021, bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là thửa 442, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 cấp ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N để cản trừ nợ nếu bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1505THTG602 ngày 19/5/2015 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh huyện G và bà Nguyễn Thị N. Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông

thôn – Chi nhánh huyện G trả lại cho bà Nguyễn Thị N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 cấp ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Trương Thị Mỹ L về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03169 cấp ngày 20/7/2009 cho bà Nguyễn Thị N.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Trương Thị Mỹ L về việc công nhận phần đất diện tích khoảng 98m², thuộc thửa 691, tờ bản đồ số 8, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00937 cấp ngày 18/01/2012 cho ông Diệp T3 T1 là thuộc quyền sử dụng của bà Trương Thị Mỹ L và ông Diệp Tùng P.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

- Bà Trương Thị Mỹ L phải chịu 3.111.472 (Ba triệu một trăm mười một ngàn bốn trăm bảy mươi hai ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0016992 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án huyện G. Hoàn lại ngân hàng 900.000 (Chín trăm ngàn) đồng.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Án tuyên vào lúc 14 giờ ngày 23/02/2022, có mặt ông T, ông T1, đại diện Viện kiểm sát, vắng mặt ông Tiến, bà L/.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P1C THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Vân

